

Số: /UBND-VX

Chiêm Hóa, ngày tháng 6 năm 2022

V/v triển khai thực hiện các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực LĐ - TBXH

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Trung tâm Văn hóa, Truyền thông, Thể thao.

Thực hiện Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm, người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh đến cán bộ, công chức và toàn thể Nhân dân trên địa bàn biết. Niêm yết công khai các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm, người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại trụ sở làm việc của UBND xã.

2. Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm, người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai, hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm, người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo nội dung Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh.

(Có Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 gửi kèm)

Yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị *(tại mục kính gửi)* nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên; (thực hiện)
- Chủ tịch UBND huyện;
- Phó Chủ tịch UBND huyện PTVX;
- Chánh, Phó CVP HĐND&UBND huyện;
- Chuyên viên Văn xã;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Thị Minh Quang

Số: 523/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Việc làm, Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 257/QĐ-LĐTBXH ngày 28/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 70 thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Người có công, Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

(có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện:

1. Niêm yết, công khai Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện quy trình điện tử của thủ tục hành chính và công khai đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: dichvucong.gov.vn; Cổng Dịch vụ công của tỉnh, địa chỉ: dichvucong.tuyenquang.gov.vn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Như điều 3; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Lưu: VT, THCBKSMai.

Hoàng Việt Phương

**DANH MỤC 70 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG,
VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH TUYÊN QUANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

PHẦN 1. DANH MỤC 40 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|---|--|----------------|--|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| A | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (38 THỦ TỤC) | | | | | | | |
| I | LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (31 THỦ TỤC) | | | | | | | |
| 1. | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ | - 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: + Ủy ban nhân dân cấp xã: xác nhận bản khai + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội): quyết định chế độ trợ cấp. - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|--|----------------|--|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 2. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác | <p>- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ: trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ</p> <p>- 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ: trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ</p> | <p>- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)</p> <p>- Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p> | Không | <p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ</p> | x | x | Mức độ 3 |
| 3. | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ | <p>- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã.</p> <p>- Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> | Không | <p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ</p> | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|--|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 4. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + Ủy ban nhân dân cấp xã; + Phòng Lao động – TB&XH. + Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 5. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + Ủy ban nhân dân cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 6. | Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh | 104 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, hồ sơ | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|---|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 7. | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an | 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; + Hội đồng giám định y khoa. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 8. | Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh | 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày; Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|---|----------------|--|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| | | hoặc thất lạc: 05 ngày có văn bản đề nghị cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ giải quyết. | | | | | | |
| 9. | Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; + Cơ quan Bảo hiểm xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ- CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 10. | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | - 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương. - 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: đối với người bị thương thường trú tại | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; + Hội đồng giám định y khoa. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ- CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|---|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| | | địa phương khác, do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương. - Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương. | | | | | | |
| 11. | Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý | 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: trường hợp đang sống tại gia đình; + Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng: trường hợp đang được nuôi dưỡng tập trung. - Cơ quan giải quyết: + Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. + Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 12. | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP | x | x | Mức độ 3 |
| 13. | Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công - Cơ quan giải quyết: + Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 14. | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ | 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|---|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 15. | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP + Sở Lao động – TB&XH | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 16. | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | - 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. - 89 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng. - 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ. | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; + Hội đồng giám định y khoa | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 17. | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; + Hội đồng giám định y khoa | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 18. | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 19. | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 20. | Giải quyết chế độ người có công đỡ cách mạng | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP | x | x | Mức độ 3 |
| 21. | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | - 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. | a) Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý: - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. - Cơ quan giải quyết: + cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| | | | b) Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý: - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – TB&XH; + Sở Lao động – TB&XH. | | | | | |
| 22. | Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 23. | Hưởng lại chế độ ưu đãi | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – TB&XH.) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|--|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 24. | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trợ cấp 1 lần và mai táng: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: <ul style="list-style-type: none"> + 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. + 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng. | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: <ul style="list-style-type: none"> + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 25. | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: <ul style="list-style-type: none"> + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – TB&XH. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|---|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 26. | Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – TB&XH.) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 27. | Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – TB&XH.) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 28. | Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – TB&XH.) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |
| 29. | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|---|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| | vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | | Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. | | 30/12/2021 của Chính phủ | | | |
| 30. | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - TB&XH) - Cơ quan giải quyết: + UBND cấp xã; + Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; + Sở Lao động – TB&XH. | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 31. | Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh | 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và cơ quan giải quyết: Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sỹ trước khi hi sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 4 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|--|--|--|--|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| II LĨNH VỰC VIỆC LÀM (07 THỦ TỤC) | | | | | | | | |
| 32. | Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp | 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, hồ sơ theo quy định; 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, hồ sơ theo quy định trong trường hợp doanh nghiệp phải tiến hành xác minh | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp huyện (sau khi có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội) - Cơ quan giải quyết: + cơ quan Bảo hiểm xã hội; + Ủy ban nhân dân cấp huyện; + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | Không | Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động | x | x | Mức độ 3 |
| 33. | Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động | 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, hồ sơ theo quy định; 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, hồ sơ theo quy định trong trường hợp người sử dụng lao động phải tiến hành xác minh | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp huyện (sau khi có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội) - Cơ quan giải quyết: + cơ quan Bảo hiểm xã hội; + Ủy ban nhân dân cấp huyện; + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | Không | Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|---|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 34. | Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | 03 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp). | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | x | x | Mức độ 3 |
| 35. | Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - TB&XH | Không | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 36. | Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đảm bảo theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - TB&XH | Không | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|--|--|---|----------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| 37. | Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đảm bảo theo quy định | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động - TB&XH) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động - TB&XH | Không | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |
| 38. | Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm | - Doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc - Doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc | - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (quầy tiếp nhận: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) - Cơ quan giải quyết: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Không | Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ | x | x | Mức độ 3 |

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|-------------|---|---|---|----------------|--|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Nộp trực tiếp | Dịch vụ BCCI | Dịch vụ công trực tuyến |
| B | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (01 THỦ TỤC) | | | | | | | |
| 39. | Thăm viếng mộ liệt sĩ | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và cơ quan giải quyết: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ- CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. | x | x | Mức độ 3 |
| C | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (01 THỦ TỤC) | | | | | | | |
| 40. | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ- CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. | x | x | Mức độ 3 |

**PHẦN 2. DANH MỤC 30 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
NGƯỜI CÓ CÔNG**

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
|------------|---|---|---|
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (26 THỦ TỤC) | | |
| 1. | Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 76, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 2. | Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 3, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 3. | Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 4, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 4. | Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 77, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
|-----|---|---|---|
| 5. | Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 5, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 6. | Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 78, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 7. | Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 7, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 8. | Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 79, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 9. | Giám định vết thương còn sót | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 80, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 10. | Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 81, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 11. | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 8, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
|-----|---|---|---|
| 12. | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 9, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 13. | Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 10, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 14. | Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 11, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 15. | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 12, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 16. | Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 82, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 17. | Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 83, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 18. | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 13, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
|-----|--|---|---|
| 19. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 14, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 20. | Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 84, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 21. | Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 15, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 22. | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 16, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 23. | Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 85, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 24. | Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 86, mục IX, phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 25. | Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 20, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
|---|--|---|---|
| 26. | Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 24, mục II, phần D Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 THỦ TỤC) | | | |
| 27. | Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 15, mục VI, phần B Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 28. | Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 16, mục VI, phần B Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 THỦ TỤC) | | | |
| 29. | Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 15, mục IV, phần C Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |
| 30. | Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ | Thủ tục được công bố tại số thứ tự 16, mục IV, phần C Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. |